

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

Bản án số: 107/2021/ DS-ST

Ngày 14 tháng 9 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng, Bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B
Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2021/TLST- DS
ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*”
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm
2021, quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐST-DS ngày 11/8/2021, quyết
định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST-DS ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lại Văn T, sinh năm: 1958 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố PL, tỉnh HN

Người đại diện theo ủy Q: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm: 1973 (xin vắng
mặt)

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 267, đường Phùng Khoang, tổ dân phố số 5,
phường Trung Văn, quận NTL, thành phố HN

Theo hợp đồng ủy Q ghi ngày 22/6/2021 giữa ông T và ông Q.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần LMTDVN

Địa chỉ: N24, khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ,
phường Dĩnh kế, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Tổng giám
đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/4/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện
ghi ngày 14/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 07/6/2021, bản tự khai

ngày 22/6/2021 do nguyên đơn trình bày và lời khai tiếp theo do người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn trình bày: Ông Lại Văn T và Công ty cổ phần LMTDVN có địa chỉ: N24, khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh kế, thành phố B, tỉnh B, do đại diện là ông Nguyễn Văn C - chức vụ tổng giám đốc đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 058824/HĐ-LMTD ngày 29/9/2014, theo hợp đồng ông T là cộng tác viên của công ty. Sau khi ký hợp đồng, ông T đã nộp tiền vào công ty và mua của công ty 100 mã sản phẩm cao hồng sâm tại thị trường HN, mỗi gói trị giá 8.450.000 đồng. Tổng số tiền là 845.000.000 (tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng. Sau khi ông nộp tiền, Công ty không viết phiếu thu mà giao cho ông 100 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho và yêu cầu ông ký vào đó. Toàn bộ số hóa đơn này đã kích hoạt lên hệ thống máy tính của công ty, mỗi lần công ty trả tiền hoa hồng đều căn cứ vào số liệu trên máy tính để kiểm tra, trả tiền hoa hồng. Sau đó, ông đã lấy 20 mã sản phẩm cao hồng sâm thì công ty thu lại của ông 20 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Một thời gian sau ông đến công ty lấy sản phẩm cao hồng sâm thì Công ty nói sản phẩm chưa về, không có để giao, ông đã yêu cầu công ty trả lại tiền nhưng công ty không trả và hiện nay ông vẫn còn 80 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, tổng số tiền mua sản phẩm cao hồng sâm công ty vẫn giữ của ông là: 676.000.000 (sáu trăm bảy mươi sáu triệu) đồng. Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B buộc công ty cổ phần LMTDVN phải trả lại cho ông số tiền đã nộp tương ứng với số hàng cao hồng sâm đã mua của công ty gồm: 80 mã sản phẩm cao hồng sâm x 8.450.000 đồng = 676.000.000 (sáu trăm bảy mươi sáu triệu) đồng. Ông không yêu cầu trả tiền lãi. Ông T đề nghị Tòa án cho vắng mặt khi xét xử. Ông Hoàng Quang Q là đại diện theo ủy Q của ông T cũng có đơn xin vắng mặt khi xét xử.

Ngoài lời khai, nguyên đơn xuất trình hợp đồng hợp tác bán hàng số 058824 ghi ngày 29/9/2013, quy định đăng ký cộng tác viên bán hàng, 80 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho gồm có liên 2, liên 3.

Bị đơn Công ty cổ phần LMTDVN có địa chỉ đăng ký theo giấy phép đăng ký kinh doanh tại N24, khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh kế, thành phố B, tỉnh B, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Tổng giám đốc. Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập đến làm việc, qua kết quả xác minh tại địa phương nơi công ty có trụ sở đăng ký thì công ty vẫn đăng ký địa chỉ trụ sở làm việc tại địa chỉ trên, nhưng đến nay không có người làm việc. Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh B tại công văn số 13/CV-ĐKKD ngày 28/01/2021 xác định “Cho đến thời điểm hiện nay tình trạng công ty trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc Gia là “đang hoạt động”. Công ty chưa có hồ sơ giải thể hay phá sản nộp ở cơ quan đăng ký kinh doanh. Hiện nay công ty cũng đang bị ngăn chặn không cho thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh theo yêu cầu của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B tại công văn số 1406/CV - THADS ngày 09/12/2019”. Vì lý do trên, Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có trụ sở của bị đơn, tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án làm việc,

không có lời khai, văn bản nêu ý kiến quan điểm hay giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì gửi Tòa án.

Tòa án đã thu thập các tài liệu chứng cứ tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh B và được cung cấp các tài liệu, chứng cứ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu và các lần thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 12, công văn thông báo tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa, HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Tòa án căn cứ điều 274, Điều 275, Điều 280, 504, 510, 512 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần LMTDVN trả cho ông Lại Văn T số tiền tương ứng đã nộp mua 80 mã sản phẩm cao hồng sâm trị giá 676.000.000 (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu) đồng. Về tiền lãi không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của của ông Lại Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ Q, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến làm việc. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy Q có đơn xin vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 11/8/2021, ngày 27/8/2021 và phiên tòa ngày 14/9/2021, Tòa án căn cứ quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm Q giải quyết vụ án: Giữa công ty cổ phần LMTDVN và ông Lại Văn T đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 058824/HĐ-LM ngày 29/9/2014. Trên cơ sở của hợp đồng, ông T đã nộp tiền để đặt mua mặt hàng cao hồng sâm, ông T đã được công ty giao trả cho một số mã

hàng, còn lại 80 mã hàng cao hồng sâm đã nộp tiền nhưng đến nay công ty vẫn chưa giao đủ số hàng đã mua. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần LMTDVN trả lại số tiền đã mua hàng, đây là quan hệ pháp luật giữa một cá nhân không có đăng ký kinh doanh với doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp, do đó HĐXX xác định đây là tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng theo quy định của Bộ luật dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố B, nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B theo qui định tại khoản 3 điều 26; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung:

Lời khai của nguyên đơn xác định đã mua của công ty Cổ phần LMTDVN 100 mã sản phẩm cao hồng sâm, với trị giá 8.450.000 đồng/01 mã sản phẩm, tổng số tiền ông đã nộp cho công ty là 845.000.000 (tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng. Việc nộp tiền đặt mua hàng đã được công ty ghi vào các hóa đơn kiêm phiếu xuất kho và giao lại cho ông. Sau khi nộp tiền mua hàng, ông đã được công ty cổ phần LMTDVN trả cho 20 gói hồng sâm, công ty thu lại 20 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Số hàng hóa còn lại là 80 mã sản phẩm tương ứng số tiền là 676.000.000 đồng chưa trả. Xét các tài liệu, chứng cứ là 80 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thì thấy: Tại các hóa đơn số 095901/2014; 095902/2014; 095904/2014; 095845/2014; 095862/14; 095847/2014; 095863/2014; 095873/2014; 095872/2014; 095871/2014; 095869/2014; 095924/2014; 095932/2014 095931/2014; 095839/2014; 095933/2014; 095934/2014; 095896/2014; 095897/2014; 095895/2014; 095894/2014; 091891/2014; 905866/2014; 095867/2014; 095864/2014; 095868/2014; 095930/2014; 095928/2014; 095844/2014; 095929/2014; 095848/2014; 095849/2014; 095851/2014; 095854/2014; 095852/2014; 095855/2014; 095853/2014; 095858/2014; 095856/2014; 095857/2014; 095859/2014; 095879/2014; 095906/2014; 095841/2014; 095838/2014; 095837/2014; 095827/2014; 095885/2014; 095840/2014; 095907/2014; 095892/2014; 095889/2014; 095890/2014; 095842/2014; 095888/2014; 095843/2014; 095870/2014; 095881/2014; 095905/2014; 095903/2014; 095860/2014; 095923/2014; 095900/2014; 095846/2014; 095898/2014; 095899/2014; 095876/2014; 095878/2014; 095887/2014; 095836/2014; 095880/2014; 095877/2014; 095865/2014; 095861/2014; 095936/2014; 095935/2014; 095893/2014; 095886/2014; 095875/2014; 095874/2014 đều ghi ông Lại Văn T đặt hàng cao hồng sâm theo hợp đồng số 058824, mỗi sản phẩm được ghi tại một hóa đơn, giá sản phẩm là 8.450.000 đồng, ngày ghi là 29/9/2014. Các hóa đơn này đều có đóng dấu công ty cổ phần LMTDVN, đóng dấu đã thu tiền, có chữ ký của ông T, kế toán Trần Thị Thu Hiền, dấu giám đốc của chi nhánh HN Phạm Văn Tuấn. Trong các hóa đơn trên có ghi liên 1: lưu công ty; Liên 2: Lưu kho; Liên 3; Khách hàng và có ghi “Khách nhận hàng gửi, lưu kho”. Trên thực tế cả liên 2, liên 3 hiện đều do khách hàng là ông Lại Văn T giữ và đã nộp cho Tòa án. Như vậy, có căn cứ để xác định hiện ông T chưa lấy số hàng của 80 hóa đơn mua hàng trên nên công ty chưa thu lại hóa đơn. Theo

các hóa đơn thì tổng hàng hóa ông T chưa được trả là 80 gói sản phẩm hàng hóa cao hồng sâm với đơn giá là 8.450.000 đồng/01 sản phẩm, tổng trị giá trị là 676.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty cổ phần LMTDVN không có văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào khác phản bác ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn. Tại quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty cổ phần LMTDVN thì Công ty cổ phần LMTDVN đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Ông Lại Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền tương ứng với số sản phẩm đã đặt mua chưa được trả hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 điều 9 thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết một số điều của nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn T.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[6]. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 điều 504, điều 510, điều 512 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn T.

Buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả cho ông Lại Văn T số tiền 676.000 (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu 31.040.000 (Ba mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- TAND, VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

